**BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 1**

**MÔN: TIẾNG ANH 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 – 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kỹ năng** | **Đơn vị kiến thức/kỹ năng** | **Mức độ kiến thức, kỹ năng**  **cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | | | ***Tổng Số CH/bài*** | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** |
| **I.** | **LISTENING** | 1. Nghe một đoạn hội thoại/ độc thoại trong khoảng 3 phút (khoảng 230 – 250 từ) để trả lời các dạng câu hỏi có liên quan đến các chủ đề đã học.  *(True/False hoặc Gap-filling và / hoặc dạng bài tương tự)* | **Nhận biết:**  - Nghe lấy thông tin chi tiết về một trong các chủ điểm đã học. | 2-3 |  |  |  |  |  |  |  | 2-3 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu nội dung chính của đoạn độc thoại/ hội thoại để tìm câu trả lời đúng. |  |  | 2-3 |  |  |  |  |  | 2-3 |  |
| **Vận dụng:**  - Nắm được ý chính của bài nghe để đưa ra câu trả lời phù hợp.  - Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, loại trừ các chi tiết sai để tìm câu trả lời đúng. |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 |  |
| 2. Nghe một đoạn hội thoại/ độc thoại khoảng 3 phút (khoảng 230 – 250 từ) liên quan đến các chủ đề đã học.  *(MCQs hoặc Matching và / hoặc dạng bài tương tự)* | **Nhận biết:**  - Nghe lấy thông tin chi tiết về một trong các chủ điểm đã học. | 2-3 |  |  |  |  |  |  |  | 2-3 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu nội dung chính của đoạn độc thoại/ hội thoại để tìm câu trả lời đúng. |  |  | 2-3 |  |  |  |  |  | 2-3 |  |
| **Vận dụng:**  - Nắm được ý chính của bài nghe để đưa ra câu trả lời phù hợp.  - Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, loại trừ các chi tiết sai để tìm câu trả lời đúng. |  |  |  |  | 1-2 |  |  |  | 1-2 |  |
| **II.** | **LANGUAGE** | **1. Pronunciation**  Nguyên âm đơn, nguyên âm đôi, phụ âm, tổ hợp phụ âm, trọng âm từ, trọng âm câu, nhịp điệu và ngữ điệu | **Nhận biết:**  - Nhận biết các âm thông qua các từ vựng theo chủ điểm đã học. | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:**  - Phân biệt được các âm trong phần nghe. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng:**  - Vận dụng vào bài nghe/nói. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2. Vocabulary**  Từ vựng đã học theo chủ điểm. | **Nhận biết:**  - Nhận ra, nhớ lại, liệt kê được các từ vựng theo chủ điểm đã học. | 1-2 |  |  |  |  |  |  |  | 1-2 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu và phân biệt được các từ vựng theo chủ điểm đã học.  - Nắm được các mối liên kết và kết hợp của từ trong bối cảnh và ngữ cảnh tương ứng. |  |  | 3-4 |  |  |  |  |  | 3-4 |  |
| **Vận dụng:**  - Vận dụng được từ vựng đã học trong văn cảnh (danh từ, động từ, tính từ và trạng từ…) |  |  |  |  | 2-3 |  |  |  | 2-3 |  |
| **3. Grammar**  Các kiến thức ngữ pháp đã học trong chương trình cho đến thời điểm ki. | **Nhận biết:**  - Nhận ra được các kiến thức ngữ pháp đã học. | 1-2 |  |  |  |  |  |  |  | 1-2 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu và phân biệt các kiến thức ngữ pháp đã học. |  |  | 1-2 |  |  |  |  |  | 1-2 |  |
| **Vận dụng:**  - Vận dụng những kiến thức ngữ pháp đã học vào bài viết/ nói/ nghe/ đọc. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III.** | **READING** | **1. Reading comprehension**  Hiểu được bài đọc có độ dài khoảng 280-300 từ về các chủ điểm đã học.  *(Cloze test MCQs hoặc Matching / True-False và / hoặc dạng bài tương tự)* | **Nhận biết:**  - Nhận ra được các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản. | 3-4 |  |  |  |  |  |  |  | 3-4 |  |
| **Thông hiểu:**  - Phân biệt được các đặc trưng, đặc điểm các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản. |  |  | 1-2 |  |  |  |  |  | 1-2 |  |
| **Vận dụng:**  - Sử dụng các kiến thức ngôn ngữ và kỹ năng trong các tình huống mới. |  |  |  |  | 1-2 |  |  |  | 1-2 |  |
| **2. Reading comprehension**  Hiểu được nội dung chính và nội dung chi tiết đoạn văn bản có độ dài khoảng 280-300 từ, xoay quanh các chủ điểm đã học. | **Nhận biết:**  - Nhận biết thông tin chi tiết trong bài đọc. | 3-4 |  |  |  |  |  |  |  | 3-4 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu ý chính của bài đọc. |  |  | 1-2 |  |  |  |  |  | 1-2 |  |
| **Vận dụng:**  - Đoán nghĩa của từ trong văn cảnh.  - Phân tích, tổng hợp ý chính của bài để chọn câu trả lời phù hợp. |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 |  |
| **IV.** | **WRITING** | **1. Controlled**  Cách dùng từ, cấu trúc, cú pháp. *(MCQs hoặc Matching và / hoặc dạng bài tương tự)* | **Nhận biết:**  - Nhận diện lỗi về ngữ pháp và từ vựng trong câu. | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **2. Guided**  Viết lại câu dùng từ gợi ý hoặc từ cho trước.  *(Sentence transformation và / hoặc Sentence building và tương đương)* | **Thông hiểu:**  - Hiểu câu gốc và sử dụng các từ gợi ý để viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi.  - Kết hợp câu đơn thành câu phức sử dụng các cấu trúc đã học. |  |  |  | 3 |  |  |  |  |  | 3 |
| **3. Report writing**  Viết một báo cáo về các chủ điểm đã học. | **Vận dụng:**  - Vận dụng các kiến thức từ vựng, ngữ pháp đã học vào bài viết.  **Vận dụng cao:**  - Phân tích, tổng hợp thông tin; vận dụng các kiến thức đã học vào việc viết báo cáo về các chủ điểm đã học. |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 bài \* 15% |
| Tổng | |  |  | ***16-***  ***22*** |  | ***10-16*** | ***3*** | ***6-9*** |  |  |  | ***32-***  ***47*** | ***4*** |

**Lưu ý:**

*- Với câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).*

*- Số câu hỏi mang tính đề xuất và do ban biên soạn xác định cụ thể khi xây dựng đề kiểm tra.*